

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ CỦA

lao động nữ xuất khẩu

● ThS. ĐOÀN THỊ TRANG - Học viện Phụ nữ Việt Nam

Từ năm 2000 đến nay, số lượng lao động Việt Nam xuất khẩu tăng đột biến. Các thị trường thu hút lao động Việt Nam nhiều nhất là: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và Malaysia. Số lao động có mặt tại 4 thị trường nói trên khoảng 200.000 người, trong đó, lao động nữ chiếm gần 50%. Cùng với sự phát triển về quy mô của xuất khẩu lao động (XKLĐ), lực lượng lao động nữ xuất khẩu (LĐNXK) có xu hướng tăng lên. Vào những năm 1990, có khoảng 1,5 triệu phụ nữ châu Á làm việc ở nước ngoài. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, có 45% lao động di cư từ Việt Nam là lao động nữ.

Nhiều khía cạnh có thể bàn tới khi nói đến XKLĐ nữ, trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập tới một số khó khăn, hạn chế điển hình về: trình độ, kiến thức, chuyên môn kỹ thuật, cơ hội việc làm, thu nhập, sức khỏe, đặc điểm giới tính, tâm lý và các rủi ro khác.

Hạn chế về trình độ, kiến thức, chuyên môn kỹ thuật

Thực tế cho thấy, cùng một điều kiện kinh tế - xã hội nhưng học vấn của phụ nữ thường thấp

hơn so với nam giới, đặc biệt ở các vùng nông thôn. Là lao động chính ngoài xã hội, đồng thời là “nội tướng” của gia đình, người phụ nữ cùng lúc phải đảm nhận nhiều vai trò, phần lớn họ không có điều kiện cũng như không được ưu tiên trong học tập. Phụ nữ tham gia lao động sản xuất chiếm tỷ lệ rất cao. Một nghiên cứu cho thấy: “Trong lực lượng lao động, phụ nữ tham gia nhiều hơn nam giới (51,3%). Đáng chú ý là cơ cấu lao động nữ trong số lao động nữ đang làm việc phân theo ngành kinh tế quốc dân thì 72,7% (1994) lao động nữ ở ngành nông, lâm, ngư nghiệp... người phụ nữ phải đảm đương ít nhất 60% khối lượng công việc

sản xuất. Theo quan sát và phỏng vấn những phụ nữ nông thôn, các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, khối lượng công việc phụ nữ phải làm gấp đôi nam giới”.

Với những vất vả mà phụ nữ phải gánh chịu, họ ít có điều kiện học hành để nâng cao trình độ và mở rộng hiểu biết. (Bảng 1)

Số liệu cho thấy phụ nữ có trình độ học vấn, chuyên môn, luôn thấp hơn nam giới, điều này khiến họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm công việc tốt với thu nhập cao. Có thể nói, hạn chế về trình độ, kiến thức, chuyên môn kỹ thuật là một trong những khó khăn cơ bản của LĐNXK.

Bảng 1: Trình độ học vấn của nam và nữ từ 15 tuổi trở lên (%)

Học vấn	Nam	Nữ
Chưa bao giờ đến trường	4,75	10,66
Không có bằng cấp	17,03	22,13
Tốt nghiệp tiểu học	27,32	25,55
Tốt nghiệp THCS	29,54	25,82
Tốt nghiệp THPT	12,04	9,38
Công nhân kỹ thuật	2,23	0,77
Trung học chuyên nghiệp	2,80	2,89
Cao đẳng, đại học	4,15	2,75
Trên đại học	0,13	0,04
Tổng	100	100

Hạn chế về cơ hội việc làm và thu nhập

LĐNXK thường bị hạn chế ở những thị trường lao động có yêu cầu cao về trình độ chuyên môn. Phần lớn họ bị hạn chế về trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp, kiến thức xã hội, ngoại ngữ... nên ít có khả năng tham gia vào các lĩnh vực nghề nghiệp có chuyên môn cao và thu nhập tốt. Những công việc như: chăm sóc người già, người tàn tật, giúp việc gia đình, làm nông nghiệp, chế biến thủy sản, may mặc, sản xuất giày dép được xem là phù hợp hơn với phụ nữ. LĐNXK thường tham gia ở các lĩnh vực, các ngành sử dụng lao động đại trà, khu vực phi chính thức và được trả tiền công thấp.

Hạn chế về sức khỏe

Xét về phương diện sức khỏe thì phụ nữ thường bị hạn chế so với nam giới nên không thích hợp với những công việc ở trên cao, dưới nước, tiếp xúc với hóa chất hay những công việc đòi hỏi cường độ lao động cao... Từ đặc điểm thể lực mà phạm vi lựa chọn việc làm của phụ nữ cũng bị thu hẹp.

Hạn chế do đặc điểm giới tính

Phụ nữ có thiên chức mang thai, sinh con. Trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là trong điều kiện đi XKLD, vấn đề này là một trở ngại đối với họ. Phía xuất khẩu cũng như phía tiếp nhận lao động thường e ngại trong việc sử dụng lao động nữ, điều này làm cho họ bị hạn chế về cơ hội việc làm. Bên cạnh đó, LĐNXK thường phải đối mặt với

nguy cơ tan vỡ gia đình hoặc hư hỏng của con cái cao hơn so với nam giới.

Tâm lý thiếu tự tin

Phần lớn LĐNXK là lao động phổ thông xuất thân từ nông thôn. Bên cạnh những hạn chế chung thì lao động nữ có bản tính nhút nhát, thiếu tự tin, vì vậy họ khó khẳng định bản thân, từ đó khó hòa nhập và thích nghi với môi trường mới, gây ảnh hưởng tới cơ hội việc làm cũng như thu nhập của họ. Hiện tượng lao động nữ mặc cảm về nghề nghiệp còn phổ biến, họ thường coi những công việc mà mình đang làm là thấp kém nên ít khi chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ những đồng nghiệp khác.

Các rủi ro khác

So với nam giới, LĐNXK có nguy cơ gặp rủi ro cao hơn rất nhiều. Những rủi ro có thể kể đến như: bị lợi dụng, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; bị thu phí không đúng quy định; bố trí công việc không đúng với cam kết; không được hưởng mức lương xứng đáng... Ngoài ra, do sự phối hợp quản lý lao động giữa các bên thiếu chặt chẽ, lao động nữ còn có

nguy cơ trở thành nạn nhân của buôn bán người; bị lạm dụng, quấy rối tình dục...

Với những khó khăn, hạn chế điển hình trên đã làm ảnh hưởng tới đời sống, cơ hội việc làm, thu nhập của phụ nữ, đồng thời làm suy giảm chất lượng lao động xuất khẩu nói chung, LĐNXK nói riêng. Để góp phần khắc phục những hạn chế này, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau đây: Cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về XKLD; Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ, bảo vệ cho LĐNXK; Quan tâm đúng mức tới công tác quản lý, hỗ trợ và bảo vệ người lao động ở nước ngoài, đặc biệt là phụ nữ; Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về XKLD; Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp với chính quyền địa phương trong quản lý, điều hành hoạt động XKLD; Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức, kỹ năng sống cho phụ nữ; Gia đình cần tạo điều kiện để trẻ em gái, phụ nữ được tham gia học tập, làm việc bình đẳng với nam giới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Thị Hồng Bích (2007), *Xuất khẩu lao động của một số nước Đông Nam Á - Kinh nghiệm và bài học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002* (2004), Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Hoàng Bá Thịnh (1999), *Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cairo, Chính trị quốc gia*, Hà Nội.
4. "Lao động nữ dễ bị ngược đãi khi xuất khẩu lao động". Báo điện tử Dân trí. Ngày 22/11/2011.
5. "Tuyên dương các doanh nghiệp hội viên đạt thành tích xuất sắc về xuất khẩu lao động 2011", *Hiệp hội XKLD Việt Nam*. Truy cập ngày 03/7/2013.
6. "Xuất khẩu lao động năm 2012: Thách thức và cơ hội". *VietnamPlus*, Thông tấn xã Việt Nam. Ngày 28/01/2012. Truy cập ngày 03/7/2013.
7. <http://www.VietnamNet.vn>.